

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

KHOA VIẾT VĂN – VIẾT BÁO

Nguyễn Văn Vương

TÁC PHẨM TỐT NGHIỆP

(KHÓA 11, NĂM 2008 – 2012)

Người hướng dẫn : Ngô Văn Giá

HÀ NỘI – 2012

Lời cảm ơn.

Người Trung Quốc có câu ngạn ngữ rất hay: “Sư tử bắt thỏ cũng phải dùng hết sức”. Thực ra bắt thỏ thì chỉ cần cày, cáo bắt cũng được chứ cần gì đến sư tử, mà sư tử lại phải dùng hết sức? Ý muốn nói làm việc gì cũng phải làm hết sức, phải thật sự nghiêm túc. Tôi thấy rằng câu ngạn ngữ này rất có ý nghĩa, đặc biệt là đối với tôi- Một người học và nghiên cứu về lí luận, phê bình văn học.

Tôi thật may mắn khi được vào học tại trường viết văn Nguyễn Du, nay là khoa Viết văn- Báo chí trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Ngôi trường đã giúp tôi trở thành một người nghiên cứu, điều mà tôi hằng mơ ước và ấp ủ từ khi còn học phổ thông. Ngày ấy, năm 1998, khi cuốn “Chân dung và đối thoại” của Trần Đăng Khoa ra đời đã làm xôn xao dư luận. Tôi đã đọc và mơ ước biết đâu sau này mình sẽ trở thành một nhà nghiên cứu, chuyên về lí luận- phê bình văn học, biết đâu sẽ có những tác phẩm hay như thế?...

Trong suốt quá trình học ở ngôi trường viết văn Nguyễn Du, tôi đã học được rất nhiều điều bổ ích. Tôi xin chân thành cảm ơn PGS- TS Ngô Văn Giá (trưởng khoa viết văn) và đặc biệt là nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên - người đã hướng dẫn tôi hoàn thành tác phẩm tốt nghiệp. Không biết có phải là duyên số hay là điều may mắn khi tôi gặp được nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên. Tôi còn nhớ như in lần đầu tiên gặp thầy, đó là một buổi chiều ngày 15- 11- 2007 tại trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, khi nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên giới thiệu cuốn sách “Bảo Bối Thượng Hải” của nhà văn Vệ Tuệ. Sau này, trong quá trình học, tôi đã được thầy giảng cho rất nhiều điều hay lẽ phải về phê bình văn học.

Đồng thời, tôi xin chân thành cảm ơn PGS- TS Trần Đức Ngôn- người phản biện tác phẩm của tôi.

Được học và được thầy hướng dẫn, đó là điều may mắn với tôi. Tôi xin cảm ơn nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên, PGS- TS Trần Đức Ngôn, PGS- TS Ngô Văn Giá lời cảm ơn chân thành nhất.

Đọc “Hội Thê” của nhà văn Nguyễn Quang Thân

Nguyễn Quang Thân con người và sự nghiệp:

Nguyễn Quang Thân (sinh năm 1936) là một nhà văn hiện đại Việt Nam, chuyên về [truyện ngắn](#) và [tiểu thuyết](#), ông còn là một nhà viết kịch bản. Các bút danh khác là Song Ân, Hồng Nga.

Ông sinh ngày 15 tháng 04 năm 1936 tại Sơn Lễ, Hương Sơn, Hà Tĩnh. Ông từng sinh sống ở Hải Phòng trong thời gian dài, sống tại Hà Nội từ năm 1996. Ông đã cùng gia đình chuyển vào. sống tại TP Hồ chí Minh từ tháng 5 năm 2008.

Truyện ngắn:

Nước về, sáng tác năm 1957; Hương đất, 1964; Cô gái Triều Dương, 1967, Ba người bạn, 1970; Những người chinh phục, 1977; Nếp gấp, 1978; Những chùm các biển, 1979; Người không đi cùng chuyến tàu, 1989; Vũ điệu cái bô, 1991; Hoa cho một đời, 1996; Giao thừa trắng, 1996; Giữa những điều bình dị (Amongst and in the simple things) Tập truyện ngắn song ngữ ANH - VIỆT của Nguyễn Quang Thân do First News và Văn Hóa Sài Gòn xuất bản 2007.

Tiểu thuyết:

-Lựa chọn, 1977 (NXB Phụ Nữ)

-Một thời hoa mẫu đơn, 1988 (Nhà Xuất bản Tác Phẩm Mới Hội Nhà Văn)

-Ngoài khơi miền đất hứa, 1990 (NXB Tác Phẩm Mới Hội Nhà Văn) Bản dịch tiếng Pháp: "Au Large De La Terre Promise" do Kim Bayard NXB Philippe Picquier (Pháp) xuất bản năm 1997.

-Con ngựa Mãn Châu 1991 (NXM Hội Nhà Văn)

-Chú bé có tài mở khóa, 1983 NXB Kim Đồng, Hà Nội

Hội thề, 2009 NXB Phụ Nữ Hà Nội

Kịch bản:

Cây bạch đàn vô danh, 1993

Hội thề, 2005

Giải thưởng:

- Giải chính thức văn học cho thiếu nhi của Hội nhà văn Việt Nam năm 1985 cho tác phẩm Chú bé có tài mở khóa
- Giải nhì truyện ngắn báo Văn nghệ năm 1992 cho tác phẩm Vũ điệu cái bô.
- Giải A cuộc thi sáng tác kịch bản phim truyện lịch sử Thăng Long nhằm tìm ra kịch bản cho dự án phim kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long với tác phẩm Hội thề.
- Giải A cuộc thi tiểu thuyết của Hội Nhà Văn VN 2006 - 2009 với cuốn tiểu thuyết HỘI THỀ.

Độc “Hội Thề”

Những năm gần đây trong nền văn học Việt Nam đương đại Việt Nam, tiểu thuyết ngày càng nở rộ. Các cuộc thử nghiệm kiếm tìm hình thức mới cho tiểu thuyết khá phong phú và vẫn đang còn là tiếp tục. Dạng tiểu thuyết ngắn bắt đầu định hình. Những tác phẩm mượn chất lịch sử để tạo ra “gương mặt giả định” với các cuốn tiểu thuyết : Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh, Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác, Giàn Thiêu của Võ Thị Hảo, Bão Táp Triều Trần của Hoàng Quốc Hải... cũng đang góp phần mở rộng quan niệm về tiểu thuyết lịch sử. Và gần đây nhất (năm 2008) là cuốn tiểu thuyết Hội Thề của Nguyễn Quang Thân cũng gây được tiếng vang lớn. Nhưng nhìn chung các tác phẩm của trên, đặc biệt là cuốn Hội Thề của Nguyễn Quang Thân vẫn chưa thực sự thuyết phục được bạn đọc khó tính.

Như chúng ta đã biết, trong lời nói đầu của tiểu thuyết Cánh Rừng Mong Đợi, nữ văn sĩ Hà Lan Hella Hadesse đã viết : “Một cuốn tiểu thuyết được

đánh giá là hay hay không, phải luôn là một sự phản chiếu thế giới bên trong của tác giả ở một thời điểm nhất định trong cuộc đời họ”. Cuốn tiểu thuyết Hội Thề của nhà văn đã ra mắt bạn đọc vào năm 2008 (Nxb Phụ Nữ) đã cho chúng ta thấy nhà văn đã biết chọn chủ đề và từ đó viết nên một cuốn tiểu thuyết lịch sử khá hay.

Ở Việt Nam các nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử không nhiều bởi vì các nhà văn viết thể loại này phải là những người am hiểu lịch sử, chí ít ra cũng phải có kiến thức sâu rộng về lịch sử, có như vậy khi viết về tiểu thuyết lịch sử mới có thể tạo ra kiệt tác bất hủ, làm vẻ vang cho đất nước, được người đương thời và hậu thế ngưỡng mộ, tôn vinh. Những người tái tạo và làm phong phú lịch sử bằng văn ấy, những người tái tạo và làm phong phú lịch sử bằng văn ấy phải có tầm khái quát lịch sử và nhất định phải có phương pháp đặc dụng và hữu hiệu riêng của mình. Ở điểm này thì Nguyễn Quang Thân đã thành công.

Sau khi cuốn tiểu thuyết Hội Thề ra đời thì có một số cây bút khen tác phẩm này như sau:

“Quan điểm giành chiến thắng mà không gây đổ máu của Nguyễn Trãi được Lê Lợi, thủ lĩnh tối cao của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ủng hộ và thực thi. Nguyễn Quang Thân không tước bỏ ở ông vua khai mở triều Hậu Lê nét thô lậu của một thổ hào người Mường - Thanh Hóa, nhưng bên cạnh đó ông vẫn nhấn mạnh những phẩm chất của đế vương Lê Lợi...” -Nhà phê bình Nguyễn Hoài Nam-(Thời báo kinh tế Sài Gòn).

Nhà văn Ngô Thị Kim Cúc (báo Thanh niên, ngày 20- 12- 2010) đã viết: Hội Thề là sự nhiệm sắc chính sử, là lời ngợi ca mối quan hệ quân- thần, đề cao tầm nhân văn của trí tuệ người Nam. Với khát vọng được sống yên bình bên cạnh một nước lớn luôn nuôi mộng xâm lấn. Nhân danh đức Hiếu Sinh Đại Việt trong Bình Ngô Sách, Lê Lợi đã quyết cho Vương Thông được phép cầu hòa, để có một Thăng Long phi chiến địa: “Chỉ có những giấc mơ mà thiên hạ cùng mơ mới biến được thành sự thật. Đánh giấc là thế không dừng nhưng bớt được tổn thất sinh linh là điều chúa công ta hằng mong mỏi”. Nguyễn Trãi nói trong mối quan hệ với Thị Lộ và Thư Phúc có lẽ là chân dung đậm nét nhất về một văn tài đầy may mắn mà cũng đầy bất hạnh.

Đọc lời 2 bài nhận xét trên, chúng ta thấy Hội Thề đã được ca ngợi, tung hô hết lời. Nhưng những lời nhận xét ấy có đáng được ca ngợi như vậy không? Hay chỉ là nhận xét của một số người mà thôi?

Thực tế, những ai đọc cuốn Hội Thề nếu có chút ít kiến thức về lịch sử thì sẽ dễ dàng nhận ra: Đây là một cuốn tiểu thuyết có thể đọc được, chứ không thể coi đây là một tác phẩm hay được? (Vây mà Hội nhà văn Việt Nam vẫn trao giải cho cuốn tiểu thuyết này).

Về mặt lịch sử: Một vài chi tiết “nhảm lẫn” đáng tiếc trong Hội Thề.

1. Hai hàng rùa dưới chân bia Tiến sĩ ?

Mở đầu tác phẩm nhà văn đã trích dẫn một câu thơ trong Bên Kia Sông Đuống của Hoàng Cầm để làm câu đề từ:

“Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên”

Và về cuối tác phẩm, nhà văn đã lập lại “Hai hàng rùa dưới chân bia tiến sĩ, từ ba trăm năm thấp thoáng mộng bình yên, ung dung ngắm nhìn dân chúng Đông Quan giẫm đạp lên nhau trước chính điện nơi thờ Không Tử”.

Hồng, hồng hẩn! Dân chúng mà đông đúc, chen chúc như nêm đi nghe đọc Bình Ngô Đại Cáo còn được, chứ dân chúng Đông Quan như nhà văn tả là “giẫm đạp lên nhau” hóa ra đây là một cảnh hỗn loạn chứ không phải cảnh thanh bình. Chúng ta thử tưởng tượng ví dụ trong một sân vận động xảy ra sự cố, cảnh hỗn loạn dân chúng mới giẫm đạp lên nhau và như thế thì người chết nhiều lắm... Vây cách dùng từ của nhà văn đã không chính xác. Hơn nữa cái sai cơ bản của nhà văn ở đoạn kết này chính là cái tri thức am hiểu về lịch sử của nhà văn còn bị hạn chế. Điều này được thể hiện qua đoạn văn nhà văn miêu tả “Hai hàng rùa dưới chân bia tiến sĩ...”. Cảnh mà nhà văn miêu tả là cảnh mà Nguyễn Trãi đóng “làm một nho sinh gầy gò mặc áo lương hai lớp, chiếc khăn xếp kéo gần mắt, đứng dựa vào gốc muôm trong vườn Văn Miếu, cách xa đám đông đang nêm chặt sân chính điện và sân nhà Thái Học phía sau”. May mà Nguyễn Trãi đứng cách xa đám đông chứ không khéo lại bị dân chúng Đông Quan giẫm đạp mà chết mất. Đặc biệt là nhà văn Nguyễn Quang Thân miêu tả đoạn “Hai hàng rùa dưới chân bia Tiến sĩ”

Trên thực tế thì bia Tiến sĩ được dựng năm 1484 thời vua Lê Thánh Tông (1460- 1497) và trải qua thăng trầm lịch sử, hiện nay ở Văn Miếu Quốc Tử Giám có 82 tấm bia Tiến sĩ. Nhưng tất cả lại có 84 con rùa đội bia tiến sĩ. Theo các nhà khoa học thì vào năm 1976, họ đã tìm thấy trong lòng hồ Văn Miếu con rùa đá có chiều dài 1,15m bị chặt đầu. Vào năm 1990, lại tìm thêm được một con rùa đá nữa dài 1,36m và đầu cũng bị chặt. Hai con rùa đá này trên lưng cũng bị khoét rãnh để đặt bia. Rõ ràng đây là những con rùa đá đội

bia tiến sĩ (nhưng bia không còn nữa, vì thế khó đoán được niên đại của hai con rùa đá trên). Chính việc khai quật được hai con rùa đá bị chôn vùi ở Văn Miếu đã cho chúng ta thấy văn bia Tiến sĩ ở Văn Miếu thực ra nhiều hơn 82 tấm bia còn lại đặt trên lưng rùa ở Văn Miếu.

Thực ra nếu tra cứu thư tịch cổ, số năm có khoa thi, số năm tổ chức khắc bia thì con số bia và rùa còn nhiều hơn thế (117 bia tiến sĩ). Trải qua năm tháng, bia và rùa cũng tàn mất khắp nơi. Hai con rùa đá bị chôn vùi vớt được dưới hồ Văn Miếu đã nâng tổng số rùa đá lên đến 84 con. Ngày nay, đến Văn Miếu, khách tham quan sẽ thấy 2 con rùa đá để ngay cạnh cổng đi vào khu nhà bia vẫn đội mưa nắng vì không có mái che như 82 con rùa đá khác.

Theo cuốn Lịch Sử Việt Nam đến năm 1884 của Giáo sư Nguyễn Phan Quang- Tiến sĩ Võ Xuân Đàn- Nxb Tổng hợp tp HCM năm 2000 ở trang 239 có ghi về việc dựng bia Tiến sĩ như sau: Năm 1484, Thánh Tông sai dựng bia đá, khắc tên những người đỗ tiến sĩ từ khoa thi 1442 đến khoa thi 1481, mỗi khoa dựng 1 bia (gồm 9 bia), nội dung mỗi bia tán tụng công lao sự nghiệp của nhà vua, liệt kê quê quán những người đã trúng tuyển.

Theo cuốn sách Tiến trình lịch sử văn học Việt Nam(Nguyễn Quang Ngọc chủ biên) Nxb Giáo dục 2003, trang 125- 126 có ghi: Các đời vua thời Lê Sơ đều đã cho sửa sang, tu bổ Văn Miếu- Quốc Tử Giám. Đợt trùng tu mở rộng lớn nhất là năm 1483 đời vua Lê Thánh Tông. Nhà vua cho dựng ở Văn Miếu các công trình Đại Thành Môn, nhà Giải vũ Đông Tây, điện Canh phục, kho Tể khí, nhà bia Tiến sĩ (1484 cho dựng 10 bia tiến sĩ kể từ khoa thi 1442). Đối với Quốc Tử Giám cho dựng nhà Minh luân, giảng đường Đông Tây, nhà nghỉ cho Giám sinh. Rất nhiều cuốn sách khác khi ghi chép về lịch sử Việt Nam, ghi chép về Văn Miếu- Quốc Tử Giám đều khẳng định Văn Miếu được xây dựng năm 1484 đời vua Lê Thánh Tông.

Ở Văn Miếu hiện nay: 82 bia Tiến sĩ dựng ở hai bên phải trái của giếng Thiên Quang, mỗi bên 41 tấm dựng thành 2 hàng ngang, mặt bia đều quay về giếng, giữa 2 vườn bia xây một tòa đình vuông, 4 mặt bỏ trống, nền cao, giữa nền có bậc cửa đền trông thẳng xuống giếng. Đây là 2 tòa đình thờ bia. Xưa kia hàng năm xuân thu, nhị kì trong Văn Miếu làm lễ tế, thì ở đây cũng làm lễ vật cúng bái các vị tiên nho của nước ta mà quý tính cao danh còn khắc trên bia đá. Trong bộ bia đá còn sưu tập cho đến ngày hôm nay sớm nhất dựng vào năm 1484, khắc tên các vị Tiến sĩ đỗ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Bảo Đại năm thứ 3(1442). Tấm cuối cùng dựng vào năm 1780, khắc tên các tiến sĩ đỗ

năm Kỷ Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 40 (1779) đời vua Lê Hiển Tông (1740- 1786).

Người trực tiếp soạn bia khoa Nhâm Tuất 1442 là Thân Nhân Trung (1419- 1499), đỗ Tiến sĩ năm 1469. Năm 1484, theo lệnh của vua Lê Thánh Tông, khi dựng bia Tiến sĩ, mở đầu cho việc soạn bia, Thân Nhân Trung đã viết “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thể nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần thiết”.

Vấn đề ở đây là bia Tiến sĩ được dựng vào năm 1484. Vậy mà năm 1428, sau khi đánh thắng quân Minh, Lê Lợi cho đọc Bình Ngô Đại Cáo, tức là phải 56 năm sau bia Tiến sĩ mới được dựng. Lúc đó Nguyễn Trãi đã thành người thiên cổ, hay nói đúng ra, vào năm 1428 bia Tiến sĩ chưa được dựng. Vậy mà nhà văn đã tả : Hai hàng rùa dưới chân bia Tiến sĩ. Về điều này có lẽ nhà văn phải nên tìm hiểu kỹ lại rồi mới viết. Văn viết càng đuối nên mới có sai lầm cơ bản trên. Vậy câu đề từ lặp ở đoạn kết đã làm cho tác phẩm kém đi.

2.Lời nói của Nguyễn Trãi về Hồ Quý Ly là thiếu cơ sở.

Về mặt lịch sử, nhà văn Nguyễn Quang Thân còn có khá nhiều sai sót khi đề cập tới vấn đề này, ví dụ như: Trãi bảo: “Hồ Quý Ly còn làm vua 7 năm thì 5 năm xây thành, chết không có đất chôn cũng đáng”(trang 259).

Trong lịch sử Việt Nam, Hồ Quý Ly chỉ làm vua có một năm, sau đó nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương và lên làm Thái Thượng Hoàng. Vậy mà nhà văn đã mượn lời của Nguyễn Trãi mà nói rằng : “Hồ Quý Ly làm vua được 7 năm...”. Hơn nữa đây lại là lời của Nguyễn Trãi nó khiến cho chúng ta phải suy nghĩ rất nhiều. Nguyễn Trãi liệu có thể thốt ra những lời như vậy không? Chắc là không, mà ở đây chỉ là nhà văn gán với mồm Nguyễn Trãi.

Sau khi triều đại nhà Hồ sụp đổ(1407), vua quan nhà Hồ bị bắt giải sang Trung Quốc. Nguyễn Trãi đã từng làm quan cho nhà Hồ và bản thân cha con Nguyễn Trãi rất trung thành với nhà Hồ. Nguyễn Trãi còn định theo cha là Nguyễn Phi Khanh sang Trung Quốc nhưng người cha đã khuyên ông quay về Đông Quan sau đó vào Lam Sơn theo Lê Lợi. Ở điểm này, chúng ta thấy nếu so sánh sự khác nhau giữa văn hóa phương Bắc và văn hóa phương Nam về vấn đề yêu nước thì chúng ta thấy hoàn toàn khác nhau. Bởi vì người Trung Quốc họ coi trọng gia đình hơn. Còn người Việt Nam yêu nước là trên

hết sau đó là gia đình(ví dụ như trường hợp của Nguyễn Trãi ở trên. Ở Trung Quốc vì gia đình Ngũ Tử Tư thời Chiến Quốc có thể đem quân nước Ngô về giày xéo nhân dân nước Sở quê ông....). Yêu nước đâu phải chỉ có Việt Nam?

Vấn đề ở đây cho chúng ta thấy nhìn cách một người như Nguyễn Trãi, chắc chắn không bao giờ nói về triều của nhà Hồ như thế. Bởi vì ngày xưa vấn đề trung quân, ái quốc lớn lắm; đặc biệt là những người như Nguyễn Trãi. Đúng là nhà văn đã không tìm hiểu kĩ về triều đại nhà Hồ và Nguyễn Trãi.

Nếu chỉ dừng lại ở đây, thì vẫn có thể chấp nhận được, nhưng đây là những tác phẩm kém chất lượng. Bởi vì một tác phẩm bất hủ và hay, đặc biệt là một tác phẩm lịch sử thì những câu từ như trên(chỉ cần một câu thôi) sẽ làm hỏng cả một tác phẩm mà tâm huyết của tác giả đã bỏ vào đây sẽ ra sông ra bể. Trong việc nghiên cứu, thực ra có khi chỉ cần một câu nói hoặc một từ nào đó, ví dụ như nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân có công trình: Đi tìm dấu tích cung điện Đan Dương- Sơn Lăng của Hoàng đế Quang Trung (Nxb Thuận Hóa- 2007) chỉ dựa vào một câu: “Cung điện Đan Dương là Sơn Lăng Phụng chứa bảo y tiên hoàng ta” trong tập Hoàng Hoa đồ phả, câu nguyên chú trong tác phẩm Cầm Hoài của Ngô Thì Nhậm, một trọng thần của vua Quang Trung trong tập thơ Di sử sang Trung Quốc(1793)- trích báo Thanh Niên ngày 3-3-2012. Chỉ cần dựa vào một câu của nhà nghiên cứu, nhà viết sử có thể nghiên cứu tìm hiểu, viết ra cả một quyển sách. Vậy một câu nói mà nhà văn gán cho Nguyễn Trãi như trên là một điều khó có thể chấp nhận được.

3. Sử dụng ngôn từ không chuẩn.

Sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh kết thúc thắng lợi, Nguyễn Trãi đã thay mặt Lê Lợi viết Bình Ngô Đại Cáo. Thực ra thì việc Lê Lợi đánh thắng quân Minh, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi nhưng tại sao lại gọi là “Bình Ngô” thì có rất nhiều người giải thích khác nhau. Chỉ có điều trong cuốn Hội Thề của Nguyễn Quang Thân đã nhầm lẫn rất đáng tiếc, cứ lấy “râu ông nọ cắm cằm bà kia” thì độc giả đúng là chịu. Ví dụ như trang 162 có câu: Giữa lúc giới sĩ nước ta gồm những kẻ có chút chữ nghĩa hay đồ đạt đều đua nhau tuyền mộ sang Ngô để được nhà Minh “đào tạo”. Sang Ngô để nhà Minh đào tạo đúng chỉ có tác giả mới hiểu được? Không những thế nhà văn Nguyễn Quang Thân còn bị “ngộ” vì ngôn từ, lúc thì xị ngậu cả lên (vấn đề này người biên tập không nhận ra cũng là một điều đáng trách). Trong cả cuốn tiểu thuyết nhà văn Nguyễn Quang Thân đã 86 lần dùng từ “Ngô”, ví dụ

như: “quân Ngô”, “giặc Ngô”, “tướng Ngô”... và đối lập với từ “Ngô” là từ “Minh”. Nhà văn cũng đã tổng cộng nhắc đến 30 từ “Minh”, ví dụ như: “quân Minh”, “giặc Minh”.

Người Việt Nam thường có những câu so sánh rất hay, ví dụ như: “giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng”. Giặc bên Ngô thâm hiểm và độc ác như vậy mà không bằng cả bà cô bên chồng. Điều này chứng tỏ bà cô bên chồng mới là kẻ nguy hiểm nhất! Bà cô bên chồng thì ai cũng biết, người được ví đó là em gái của chồng ta(người con gái đi lấy chồng, chồng có con gái) nhưng còn giặc bên Ngô là giặc nào? Xin nói rõ giặc bên Ngô ở đây là giặc Ngô ở Trung Quốc thời Tam Quốc (220-280) nhà Ngô thay nhà Hán đô hộ nước ta. Vào năm 248, Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) đã khởi nghĩa ở Thanh Hóa, chống lại nhà Ngô nhưng đã thất bại. Nhà Ngô cai trị nước ta, với nhiều thủ đoạn bạo ngược, coi nhân dân ta như cỏ rác. Thiên hạ căm giận chúng đến tận xương tủy và cũng đã có người ví giặc Minh lúc bấy giờ là “quân Ngô”, như “giặc Ngô” thời Tam Quốc. Nhưng trong cuốn Hội Thề này, chính nhà văn Nguyễn Quang Thân đã làm lộn tung phèo hết cả lên, lúc thì quân Ngô, giặc Ngô, lúc thì lại quân Minh, giặc Minh? Chính nhà văn đã không hiểu lại bắt người đọc phải theo những gì mà nhà văn đã viết ra.

Thực tế thì Lê Lợi kháng chiến là chống lại nhà Minh đô hộ. Một cuốn sách viết về giai đoạn này tốt nhất là nên dùng từ cho chuẩn như “quân Minh, giặc Minh” như thế thì đảm bảo bạn đọc khó tính nhất cũng khó mà bắt bẻ được. Còn nếu không đã “trót” dùng từ “giặc Ngô, quân Ngô, tướng Ngô” thì cứ thế mà dùng, đằng này lại không nhất quán trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Chính vì thế mà đây cũng là một hạn chế đã làm cho tác phẩm này mất đi nhiều giá trị.

Không những thế, cách sử dụng ngôn từ “loạn” như trên, đỉnh điểm của cách dùng từ này là nội dung cuộc đối thoại giữa Nguyễn Trãi và Tư Mã Trang 192- 193:

- Ta thấy chúa công rất hài lòng về công tử. Người có bảo ta, đây là lần đầu tiên Tề được giao trọng trách vậy mà ta đã tỏ rõ tài năng điều binh khiển tướng. Nhưng chuyện gì xảy ra làm công tử phật lòng?
- Thừa sự phụ, tôi qua cùng ăn tối với vua cha, thần đã bị Người mắng nhiếc nhục nhã.
- Chúa công mắng về chuyện gì?

- Người không nói rõ, chỉ bảo rằng Tề này không xứng đáng đạo làm tôi, đạo làm anh và có mầm mống phản phúc. Thần không chộp mắt được là vì thế.

Từ Tề đang nói chuyện với Nguyễn Trãi vậy mà lại nói “Thần bị người mắng nhiếc nhục nhã” hay “Thần không chộp mắt được là vì thế”. Từ Tề đang nói chuyện với Nguyễn Trãi mà lại xưng thần. Thế hóa ra Nguyễn Trãi cũng là vua à? Những sai sót như trên quả thực là rất khó để chấp nhận được, đặc biệt là trong các tiểu thuyết lịch sử. Một tác phẩm có nhiều sai sót thế này có thực sự xứng đáng được giải A của Hội nhà văn Việt Nam không?

Những đóng góp của nhà văn Nguyễn Quang Thân.

Nhìn chung, với cuốn Hội Thề, Nguyễn Quang Thân cũng đã có những đóng góp nhất định đối với nền văn học Việt Nam.

Trên thực tế, những nhà văn ở Việt Nam viết tiểu thuyết lịch sử không nhiều, bởi vì ở thể loại này, người viết phải thực sự có tâm huyết và phải có kiến thức hiểu biết sâu rộng về lịch sử thì viết văn mới thành công được. Một số nhà văn đã thành công ở lĩnh vực này phải kể đến Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Xuân Khánh, Võ Thị Hảo... Đối với Nguyễn Quang Thân, đóng góp của nhà văn cũng rất lớn, điều này đã góp phần mở rộng về quan niệm tiểu thuyết lịch sử.

Hội Thề - Cuốn tiểu thuyết lịch sử này đã đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần suy nghĩ và gắn liền với nó là tên tuổi của nhà văn Nguyễn Quang Thân, xứng đáng được ghi nhận, bởi những gì nhà văn đã đóng góp cho lịch sử văn học đương đại Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực tiểu thuyết lịch sử.

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại, tập 2, Nxb ĐHSP.
2. Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến 1884. GS Nguyễn Phan Quang- TS Võ Xuân Đàm. Nxb Tp HCM. 2000
3. Các triều đại Việt Nam. Quỳnh Cư- Đỗ Đức Hùng. Nxb Thanh Niên, 1999
4. Tiến trình lịch sử văn học Việt Nam. Nguyễn Quang Ngọc(chủ biên), Nxb Giáo dục, 2003

5. Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1, Trương Hữu Quýnh(chủ biên), Nxb Giáo dục, 2000.

Độc truyện ngắn “Vàng lửa” của Nguyễn Huy Thiệp.

Văn học Việt Nam sau năm 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện lịch sử và xã hội khác biệt rõ rệt với thời kỳ chiến tranh, trong một môi trường ý thức xã hội có nhiều biến đổi. Những điều đó tác động chi phối mạnh mẽ xu hướng vận động và đặc điểm của sự phát triển văn học Việt Nam suốt mấy chục năm qua. Trong thời kỳ đổi mới, quan niệm về con người chính là cơ sở chi phối những nguyên tắc chiếm lĩnh, cắt nghĩa đời sống của nhà văn, là nơi đánh dấu trình độ tư duy nghệ thuật của một thời đại, một trào lưu tác giả.

Lúc bấy giờ, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện, ngay lập tức đã làm chấn động dư luận khi ông nhìn con người như một bản thể tự nhiên. Từ trước đến nay, văn học thường viết về con người như một ý thức xã hội và sự phiến diện này hạn chế khả năng thuyết phục của văn học. Rõ ràng, ý thức giữ vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống của con người nhưng làm sao có thể phủ nhận sức mạnh của tự nhiên chứ. Nhân cách con người không chỉ là kết

quả của lý trí, mà còn là sự tham gia của vô thức, tiềm thức, tâm linh...

Nguyễn Huy Thiệp có thể đã cực đoan khi quá nhấn mạnh vào phần bản năng tăm tối của con người nhưng cũng có những phát hiện sắc sảo về con người bản năng, vô thức.

Trên hành trình đổi mới văn học, những tìm tòi thử nghiệm để làm giàu thêm khả năng biểu đạt cho tiếng Việt đã có một số thành tựu khả quan nhiều rào cản ngôn ngữ được gỡ bỏ. Từ ngữ được giải phóng khỏi sự phân biệt đẳng cấp sang- hèn nhờ tài năng của người sử dụng. Với Nguyễn Huy Thiệp, ngôn từ hiện thực đời thường đậm chất khẩu ngữ được gia tăng tính tốc độ và lượng thông tin đã chuyển tải một cách hiệu quả trạng thái vận động mãnh liệt mà phức tạp xô bồ của đời sống đương đại.

Gắn liền với sự thay đổi cảm hứng, thay đổi mối quan hệ nhà văn- bạn đọc, thay đổi cấu trúc trần thuật, giọng điệu văn xuôi truyện ngắn càng trở nên đa dạng. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp bị nhiều người trách là “tàn nhẫn, lạnh lùng” với con người. Nhưng nhìn chung trong các tác phẩm của nhà văn đâu chỉ có một sắc giọng dửng dưng, vô cảm, ngược lại thường là giọng khinh bạc, gai góc vẫn đan xem với giọng trữ tình lắm khi xót xa thương cảm nhiều khi cũng tê tái buồn.

Trong các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, người kể chuyện của nhà văn là một mẫu rất mới: Anh ta không đứng cao hơn bạn đọc, không chăm chăm giảng giải, cắt nghĩa, anh ta công khai bộc lộ tư cách kém cỏi, không đáng tin cậy, anh ta vừa kể vừa hoang mang về điều đang kể, lúc thì nhầm lẫn lúc thì bối rối phân bua: “Tôi cũng không biết câu chuyện kết thúc ra sao”, “Nghe đồn rằng”, “Lại có người kể rằng” hay đưa ra một số đoạn kết như truyện ngắn “Vàng lửa”... Mỗi nhận xét, đoán định của anh ta như đều đã dự liệu lời phản biện của nhân vật khác. Đa số truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp kết thúc không có hậu, không đưa ra chân lý cuối cùng, nhà văn trao quyền đó cho bạn đọc. Truyện thường kết thúc hoặc bằng những câu hỏi ngỏ, hoặc bằng sự khởi đầu một cuộc tìm kiếm của nhân vật chính. Đây là cách nhà văn khước từ áp đặt chân lý cho người khác, đồng thời thể hiện một cách nhìn triết học sâu sắc trước dòng chảy phức tạp đầy ngả rẽ bất ngờ của cuộc sống

Nhiều người rất khó chịu với lối hành văn cộc lốc, ngôn từ thô nhám, trần trụi, đôi khi thô tục của Nguyễn Huy Thiệp nhưng cũng có người cho rằng, cách hành văn ấy thích hợp để diễn tả các hỗn tạp, xô bồ tự nhiên của cõi

nhân sinh. Nhìn chung Nguyễn Huy Thiệp có bút pháp khá đa dạng, nhiều biến hóa bên cạnh mạch văn gai góc, lạnh lùng như truyện “Không có vua, Huyền thoại phố phường, Tướng về hưu, Giọt máu, Phẩm tiết...” cũng có khi đầy chất thơ, có khi hài hước như “Chút thoáng Xuân Hương, Chảy đi sông ơi, Thương nhớ đồng quê, Thương cả cho đời bạc, Những bài học nông thôn...”

1 . Về truyện ngắn Vàng lửa.

Năm 2001, cuốn Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp do nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên sưu tầm và biên soạn được ấn hành. Đây là tập sách quý, tập hợp tương đối đầy đủ những ý kiến khác nhau, đối lập nhau chung quanh Nguyễn Huy Thiệp – một hiện tượng văn chương gây nhiều tranh cãi nhất kể từ sau 1975 đến nay. Đặc biệt, bài viết chừng 30 trang của hai tác giả Nguyễn Hải Hà và Nguyễn Thị Bình ở cuối tập sách mang tính tổng thuật (trong bài viết này tôi tạm gọi là Tổng thuật) rất đáng được lưu tâm. Tôi xin bàn chỉ các ý kiến khen chê về chùm truyện ngắn lịch sử của Nguyễn Huy Thiệp được hai tác giả nói trên điểm lại, không quên kèm theo đánh giá của mình. Bởi vì giờ đây, sau 15 năm nhìn lại, chúng ta có đủ bình tâm để nhìn nhận một cách khách quan, khoa học hơn đối với hiện tượng văn chương khá phức tạp này.

Trong 3 truyện lịch sử của Nguyễn Huy Thiệp, các ý kiến tranh luận hầu như không dă động gì tới chuyện đầu tiên: Kiếm sắc. Hai tác giả tập trung vào Vàng lửa và Phẩm tiết, cố nhiên có kèm theo chủ kiến của mình. Dễ thấy có những dẫn giải thiếu cứ liệu xác đáng, như: “ Cả 3 truyện Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết đều mượn lịch sử ở thời kì Gia Long với các nhân vật lịch sử (Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, Nguyễn Du, Ngô Thì Nhậm...), cũng như các nhân vật hư cấu được khoác cho cái áo lịch sử (Phăng, cố đạo tây, Đặng Phú Lân, Vinh Hoa, Ngô Khải...) ”

Vàng lửa- Một truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, ngay sau khi được đăng trên báo Văn Nghệ, truyện ngắn này đã gây ra một cuộc tranh luận gay gắt và lúc bấy giờ (năm 1988) có hai phái đó là phái khen và phái chê.

Phái khen thì cho rằng đây là một hay, tác giả của nó xứng với sử gia Tư Mã Thiên (145Tr.cn- 87 Tr.cn), với đại văn hào Lỗ Tấn (1881- 1936), là ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Việt Nam đương đại... Vì đề cao thiếu cơ sở nên phái này còn được gọi là phái “bốc thơm”. Sau khi Vàng Lửa ra đời, Tiến sỹ sử học Tạ Ngọc Liễn đã có bài phê bình truyện ngắn này.

Bài viết của Tạ Ngọc Liễn còn có nhiều nhận định sáng suốt như: “Cũng như Tướng về hưu, Kiếm sắc, kỹ thuật viết, sức khái quát, tính biểu tượng nhiều mặt của ngòi bút Nguyễn Huy Thiệp trong Vàng lửa khiến tôi có thể khẳng định: đây là một tài năng”. Hay như quan niệm sau: “Người sáng tác văn học, dù viết một đề tài lịch sử nghiêm túc nhất vẫn có quyền hư cấu, nghĩa là thêm thắt những cái được tưởng tượng ra, không có trong thực tế lịch sử. Với độc giả, việc nhà văn hư cấu chuyện này, chuyện nọ không quan trọng. Điều người đọc quan tâm chủ yếu là qua hình tượng, ngôn ngữ nghệ thuật, họ muốn biết nhà văn nói gì, giải quyết vấn đề gì, những cái đó có phản ánh đúng bản chất lịch sử không?...”. Đặc biệt, hai kết luận rút ra ở cuối bài viết ẩn chứa nhiều lý – tình:

“1. Viết lịch sử, không chỉ sử gia mà cả nhà văn cũng phải phục tùng sự thật, đúng bản chất lịch sử, không được làm cho diện mạo lịch sử méo mó đi.

2. Chúng ta có quyền vạch ra và phê phán những nhược điểm của dân tộc, song không được xúc phạm tới danh dự dân tộc mình...”.

Tạ Ngọc Liễn không tán thành việc thêm thắt, xuyên tạc những “giá trị trường cửu” – điều không được các tác giả bài Tổng thuật tán thành: “ Có cảm giác rằng Tạ Ngọc Liễn vẫn chưa thoát khỏi sự lăm lăm giữa bản chất của môn sử học là một khoa học đòi hỏi sự chính xác với bản chất của môn sáng tác văn học với tư cách là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, nhằm khơi gợi ở con người sự xúc cảm có tính thẩm mỹ”. Điều này hoàn toàn nhất quán với thái độ tán đồng của hai tác giả khi đưa ra ý kiến của Thủy Minh dẫn theo nhà phê bình sân khấu Hồ Ngọc : “Nhà văn có quyền được thể nghiệm, tìm tòi, khai phá những con đường mới mà xưa nay chưa ai đi, chưa ai làm. Chẳng hạn Nguyễn Huy Thiệp đã làm và đã viết về các danh nhân anh hùng trong lịch sử ở bình diện con người bình thường với mọi khía cạnh đời thường của các vị ấy”.

Theo Tiến sỹ Tạ Ngọc Liễn thì cái truyện ngắn này có cái nhìn méo mó, lệch lạc về lịch sử con người và ngay lập tức Tiến sỹ Tạ Ngọc Liễn bị phái “bóc thơ” tiến công lại. Phái này cho rằng Vàng Lửa là truyện lịch sử thể sự chứ không phải là truyện lịch sử. Như vậy nhà văn có quyền hư cấu. Phái “bóc thơ” cho rằng “ Từ xưa ta chỉ quen nói cá hay của dân tộc, nay cần nói cái dờ”

Còn phái chê thì coi truyện ngắn Vàng Lửa là một tác phẩm quá đuối về tầm văn hóa. Họ còn cho rằng nhà văn Nguyễn Huy Thiệp thực chất chỉ là

“con đom đóm”. Con đom đóm này khá to đấy và đang lập lòe trong đêm, nhưng đã là đom đóm thì dù có to đến đâu thì cũng chỉ là sản phẩm của ao bèo.

Ngay lập tức lúc đó, Tiến sỹ khoa học Đỗ Văn Khang đã viết bài “ Có một cách đọc Vàng lửa” đăng ở báo Văn Nghệ số 36- 37 ra ngày 03- 09- 1988. Trong đó có một đoạn kết có câu “ Có nên dựng một tên cướp nước để cho hấn dạy cho chúng ta về lịch sử Việt Nam không?” thật là “ Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã”.

Theo TSKH Đỗ Văn Khang thì TS sử học Tạ Ngọc Liễn đã dẫn ra nhiều chi tiết thỏa đáng nhưng chính Tạ Ngọc Liễn đã có một sơ hở đó là đã coi “ Vàng Lửa” là truyện lịch sử. Đồng thời TSKH Đỗ Văn Khang cũng chỉ ra phái bốc thơm có hai cái lầm lớn

Thứ nhất: Dù là viết “lịch sử thế sự”. Dù có đi vào cửa sau để quan sát “công trình phụ” của nhà mà người ta viết, nếu chủ nhà là một anh hùng , không thể biến chủ nhà thành một tiểu nhân. Đây là nguyên tắc. Nói khác đi là xuyên tạc lịch sử. Chỗ này thì TS Tạ Ngọc Liễn đã đúng.

Thứ hai: Người viết truyện muốn cảnh tỉnh lịch sử thì chí ít nhân vật của anh ta cũng phải đứng cao hơn thời đại, với cái nhìn văn minh hơn văn hóa hơn mới đủ tầm nói chuyện với dân Việt.

Hai cái lầm trên của phái “bốc thơm” đã làm chia rẽ những người định mượn Nguyễn Huy Thiệp để phủ định lịch sử.

Thực ra thì đối với người đọc, mỗi người có một cái “gu” thẩm mỹ riêng nên việc khen chê một tác phẩm cũng là chuyện bình thường, nhưng đây là đối với người đọc còn đối với người nghiên cứu lý luận văn học thì hoàn toàn khác. Phải làm việc thật nghiêm túc, phải giỏi để nhận xét được cái hay cái dở chứ không thể nói như Trần Mạnh Hảo: “ Thích thì tôi khen, không thích thì tôi chê”. Như thế là không ổn, phải chẳng thích thì khen, không thích thì chê cho nên khi truyện ngắn Vàng lửa ra đời đã có hai phái: Phái khen và phái chê.

Ai đó đã từng nói “ Làm nhà phê bình nó cũng giống như chúng ta nuôi chim bồ câu nhà vậy”, ngẫm kỹ cũng rất hay. Người ta thường nói thừa thóc mà nuôi gà rừng “Hay đại loại là chim bồ cu rừng”. Chim cu rừng có nuôi 10 năm thả ra là bay về rừng luôn, còn chim bồ câu nhà thả ra là nó bay đi lại bay về. Người làm phê bình nói không khéo là bút sa là chết, nếu anh phê

bình không khéo thì kết cục anh sẽ nhận lại đủ. Vậy một nhà văn viết ra một câu chuyện mà người ta phải quan tâm bàn ra bàn vào chia thành nhiều phái để nói về tác phẩm đó thì truyện ngắn đó cũng đáng để chúng ta bàn.

Lấy nhân vật làm trung tâm của việc tạo dựng kết cấu, trong truyện lịch sử của Nguyễn Huy Thiệp nhóm nhân vật hành động (tức là nhân vật tạo dựng cốt truyện) và điều kiện hoàn cảnh của hành động có mối quan hệ tương hỗ, gắn kết và bền chặt, song vai trò và chức năng của mỗi nhóm khá linh hoạt. Từ mỗi góc độ khác nhau nhân vật hành động trong truyện hay điều kiện của hành động đó (có thể là do con người tác động) có thể tráo đổi, hoặc tạm thời đánh mất chức năng vốn có, hoặc bổ sung thêm chức năng mới.

2. Phân tích ba đoạn kết trong truyện ngắn Vàng lửa

Nhà văn Sương Nguyệt Minh từng nói rằng: “Đối với một truyện ngắn hay thì thường phải có một cái kết thúc bất ngờ”. Vậy mà truyện ngắn “Vàng lửa” nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã cho chúng ta ba đoạn kết.

Đoạn kết 1:

Đoàn tìm vàng còn sót lại ba người. Phăng bảo toàn nguyên vẹn số vàng đào được mang về. Vua Gia Long vui mừng vì đã tìm được mỏ vàng. Nhà vua cho khoanh vùng thung lũng Quạ và cho tiến hành khai thác mỏ. Phăng được cử trông coi việc này. Hai người châu Âu sót lại trong đoàn tìm vàng cũng được mời tham gia nhưng họ từ chối. Phăng trông coi việc khai thác mỏ vàng trong hai năm. Vua Gia Long rất tin cậy y và thường ban cho y những bổng lộc hậu hĩnh. Một hôm, người ta đưa đến cho y món ăn quý do nhà vua ban: món chim hầm bát bảo nấu rất công phu. Phăng ăn xong thì thấy bụng đau còn cào dữ dội, mắt trợn ngược, máu ộc ra đầy mồm miệng. Y chết ngay trên bàn ăn. Trong một quyển sổ ghi chép còn sót lại của y, người ta đọc thấy những dòng chữ sau:

“Tất cả những cố gắng của con người hướng về điều thiện đều là những cố gắng đau đớn, nhọc lòng. Điều thiện hiếm như vàng và sau đó phải được vàng bảo đảm nữa mới có giá trị thực.

Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khó và đau khổ trong những lý thuyết chấp vá đầy nguy hiểm; những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp; những kinh nghiệm sống của chúng ta mong manh và vụn vặt xiết bao. Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ, trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ?”

Phân tích.

Như chúng ta đã biết, người xưa từng nói “ Làm bạn với vua như chơi với hổ”, xin trích dẫn một vài ví dụ cụ thể sau:

Thời Xuân Thu- Chiến Quốc:

Khoảng năm 475 Tr.cn : Văn Chung vì không nghe lời Phạm Lãi: “Vua Ngô có nói: Giống thỏ đã bị hết thì chó săn tất bị mổ, địch quốc đã diệt thì mưu thần cũng chẳng còn, ngài không nhớ sao? Vua Việt (tức Việt Vương Câu Tiễn) mới dãi mỡ quạ là người nhần tâm mà ghét kẻ có công, cùng ở lúc hoạn nạn thì được, nếu ngài không đi tất có tai vạ”. cuối cùng Văn Chung đã bị chết thê thảm, tự kết thúc cuộc đời lừng lẫy bằng thanh kiếm “Trúc Lô” oan nghiệt, còn Phạm Lãi thì trở thành một thương gia có tiếng... về sau này các hoàng đế Trung Hoa như Lưu Bang (256Tr.cn- 193Tr.cn), Tống Thái Tổ (927- 976) cũng đã có chén rượu giải binh quyền nổi tiếng năm 960 hay Chu Nguyên Chương(1328- 1398) cũng đã từng giết hại rất nhiều công thần chỉ vì mục đích: “ Thỏ chết thì chó săn cũng bị giết”. Ở Việt Nam, Nguyễn Trãi- một công thần nổi tiếng của nhà Hậu Lê nhưng cuối cùng đã phải nhận một kết cục bi thảm.

Đối với một nhà văn, nếu anh đã am hiểu sao lại để cho nhân vật của mình có một cái kết cục như vậy? xem ra đoạn kết này chưa thực sự thuyết phục được người đọc khó tính.

Không những thế , thông qua cuốn sổ ghi chép còn sót lại của Phăng trong đoạn kết này, đúng là Nguyễn Huy Thiệp đã vô tình lột trần bản chất của Phăng. Y đúng là một tên “ Tây thực dân vô học, vô văn hóa, viết toàn những điều không có cơ sở ” (Có một cách đọc Vàng Lửa- Đỗ Văn Khang). Cái kết là một câu hỏi, đúng ra sau khi Phăng đã chết, không có cuốn sổ ghi chép của y, thì đoạn kết còn đọc được, nhưng thêm vào thành ra thêm dở.

Đoạn kết 2:

Thoát khỏi biển lửa, đoàn tìm vàng sót lại một mình Phăng. Y mang số vàng tìm đến được dinh quan sở tại. Phăng đưa tấm thẻ tín bài có dấu triện của vua Gia Long xin được che chở. Quan huyện là một vị túc nho già, biết nghề thuốc. Phăng đã dưỡng bệnh ngay tại huyện lỵ hẻo lánh này. Con gái quan huyện là Vũ Thị còn trẻ nhưng góa chồng mang lòng yêu mến y. Sau khi Phăng về kinh đô, y được vua Gia Long ban thưởng hậu hĩnh. Nhà vua đã cho tiến hành khai thác mỏ vàng.

Lúc này ở châu Âu , nền Đế chế của Napôlêông Bonapac đã sụp đổ. Châu Âu chín chắn hơn. Họ đã bắt đầu hiểu về đẹp và vinh quang một dân tộc không phải do cách mạng hoặc chiến tranh mang lại, cũng không phải do các nhà tư tưởng hoặc các Hoàng đế mang lại, bởi vậy họ sống đỡ căng thẳng hơn, giản dị hơn, hợp tự nhiên hơn. Phăng xin vua Gia Long mang theo Vũ Thị và một số vàng lớn hồi hương. Về Pháp, ông lập một ngân hàng và sống sung sướng đến già. Ông thường kể lại cho con cháu nghe về những kỷ niệm quá khứ, về những biến cố ở xứ An Nam xa xôi. Theo ông, thời kỳ ông ở An Nam mới là sự bắt đầu lịch sử của quốc gia người Việt, khi này biên giới phân định, chữ viết có gốc từ chữ La tinh phổ biến, người Việt dần thoát ra sự cảm tù đáng sợ của nền văn minh Trung Hoa, có những mối giao lưu chung với cộng đồng nhân loại.

Phân tích:

Phăng thoát khỏi biển lửa đúng là một kì tích, nhưng giữa lúc nguy nan và cấp bách như vậy mà y vẫn còn mang theo được số vàng đào được, vô tình cái bản chất của y đã hiện ra đúng là một tên thực dân tham lam vor vét và tàn bạo. Y lại còn quyến rũ hơn cả con gái là nhà lành. Việc Phăng về nước, y mang theo một số vàng lớn cũng là chuyện bình thường, nhưng việc Phăng mang theo Vũ Thị, thích thì y cứ dẫn đi việc gì phải xin phép vua Gia Long. Nếu người con gái y dẫn đi mà là công chúa hoặc là người con gái hoàng tộc thì có lẽ theo nghi lễ ngày xưa y mới cần phải xin phép vua Gia Long. Đằng này Vũ Thị chỉ là một người bình thường. Lẽ ra Phăng nên xin phép cha của Vũ Thị thì đúng hơn.

Nếu kết thúc ở đoạn về Pháp, Phăng lập một ngân hàng lớn và sống sung sướng đến già thì đoạn kết này có thể xem đây là một kết thúc có hậu. Nhưng có lẽ nhà văn đã quá say sưa nên đã phạm một sai lầm đáng trách: “Theo ông, ông ở An Nam mới là sự bắt đầu thời kì lịch sử quốc gia người Việt...” Ô hay! Thế thì lịch sử bốn nghìn năm dựng nước của dân tộc ta là vứt hết à? Điều này thể hiện một cái đầu của nhà văn vẫn thiếu suy nghĩ, thiếu nhận thức, phong văn hóa, không biết lòng tự tôn dân tộc của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã để ở đâu?

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích sử nhà Việt Nam”.

Về điểm này thì đúng là nhiều người mà không học, không chịu khó tìm hiểu thì đúng là không biết lịch sử dân tộc. Đứng ở góc độ một nhà văn, lại mượn lời của một tên thực dân giảng giải về lịch sử dân tộc như vậy, thì đúng là đoạn kết này coi như là đồ bỏ đi. Đoạn kết mà không đạt trong một truyện ngắn thì cả câu chuyện không thể xem là hay được.

Đoạn kết 3:

Tất cả đoàn tìm vàng bị giết chết. Lính triều đình bao vây và tấn công họ chứ chẳng có thổ dân nào cả như trong hồi ký của người Bồ Đào Nha vô danh làm tướng. Người ta tìm được vàng giấu trong đồ đạc của những người châu Âu, nó lẫn trong quần áo và ở cả trong những sổ sách ghi chép. Vua Gia Long cho xung công và sau đó cử một người trong hoàng tộc đứng ra lo việc khai thác mỏ vàng. Cuối đời, vua Gia Long sống trong cung cấm, tìm cách tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài. Nhà vua rất ghét những ai nhắc lại mối quan hệ với người này, người nọ khi nhà vua còn hàn vi, dù đấy là người Việt, người Trung Hoa hay người châu Âu nào khác. Triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đây là triều đại để lại nhiều lãng.

Phân tích:

Cái chết của đoàn người đi tìm vàng nếu có thật thì cũng là chuyện bình thường nhưng nếu nghĩ lại cái kết như vậy không có gì hấp dẫn cuốn hút người đọc, nếu Nguyễn Huy Thiệp cứ để cái kết như vậy đi thì cũng có thể chấp nhận được. Tại sao nhà văn lại dám khẳng định triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra lại là một triều đại tệ hại? Chỉ xin lưu ý bạn đọc đây là kì triều đại để lại nhiều lãng. Như chúng ta đã biết, triều Nguyễn (1802- 1945) là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam trải qua 143 năm tồn tại, triều Nguyễn với 13 vị vua ngự trị trên ngai vàng. Ở từng thời điểm khác nhau, do những biến cố của lịch sử, nước ta đã rơi vào tay của thực dân Pháp, bị biến thành thuộc địa của Pháp, đất nước đau thương, nhân dân đói khổ, nhưng không thể khẳng định triều Nguyễn do vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại được.

Trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc, để đánh giá về một triều đại hay một nhân vật nào đó thực không dễ dàng chút nào. Nếu cứ nghĩ thế nào thì viết như thế, theo cái cách của Nguyễn Huy Thiệp thì đúng là một điều rất nguy hiểm. Và chính cách viết của người cầm bút như vậy thì văn của anh như thế nhất định “cách đấy nó sẽ chóng tàn”. Đặc biệt là ở cuối đoạn kết nhà văn còn

lưu ý với bạn đọc: Đây là triều đại để lại nhiều lăng. Thực ra thì để lại lăng hay cung điện, thành quách thì triều đại nào mà chẳng có. Và các lăng của triều đại nhà Nguyễn để lại đến nay có rất nhiều giá trị đối với lịch sử dân tộc, đây cũng là một điều đáng ghi nhận.

Thực ra thì: “Điều đã qua đâu dễ nói lại- Cái đã biết đâu dễ trả lời”. Lịch sử là những cái gì đã trải qua, đã diễn ra trong thời gian không kể ngắn dài và nó là một môn khoa học. Triều Nguyễn thực sự đã có công hay có tội, đã đóng góp những gì cho lịch sử dân tộc đến nay cũng đã được ghi nhận. Là nhà văn không được nói xấu lịch sử, nói xấu dân tộc hay nói xấu một thời đại như thế.

3. Những đóng góp của Nguyễn Huy Thiệp.

Người Trung Quốc có câu ngạn ngữ rất hay: “Sư tử bắt thỏ cũng phải dùng hết sức”. Thực ra thì bắt thỏ đâu phải cần đến sư tử, cây cỏ bắt cũng được, mà sư tử lại phải dùng hết sức nữa chứ. Ý muốn nói là làm việc gì cũng cần phải hết sức, phải nghiêm túc. Đặc biệt là đối với người cầm bút, không được viết quá “nở” và quá “âu” như ba đoạn kết trong Vàng lửa thì biết đâu chúng ta đã có một truyện ngắn hay thực sự. Nhìn chung với truyện ngắn này và nhiều truyện ngắn khác mà chỉ trong một thời gian ngắn nói như Nguyễn Đăng Mạnh: “Nguyễn Huy Thiệp, cái tên này nổi rất nhanh”. Thực ra thì Nguyễn Huy Thiệp có bút pháp khá đa dạng, nhiều biến hóa và nhà văn cũng đã đóng góp nhất định cho nền văn học Việt Nam hiện đại.

Tài liệu tham khảo:

- 1.Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp, nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên, Nxb Văn hóa thông tin, 2001.
- 2.Bình văn hiện đại- Đỗ Văn Khang, Nxb Lao Động 2010.
3. Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại, tập II(từ sau cách mạng tháng 8-1945), Nguyễn Văn Long chủ biên, Nxb Đại học Sư phạm
4. Mưu lược giành chiến thắng. Đặng Xuân Xuyên, Nxb Văn hóa Thông tin 1997.
5. Lịch sử Việt Nam nguồn gốc đến năm 1884, GS Nguyễn Phan Quang- TS Võ Xuân Đàn, Nxb tổng hợp Tp HCM 2000.

Độc truyện ngắn “**Phẩm Tiết**” của **Nguyễn Huy Thiệp**.

Văn học Việt Nam sau năm 1975 đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện lịch sử và xã hội khác biệt rõ rệt với thời kỳ chiến tranh, trong một môi trường ý thức xã hội có nhiều biến đổi. Những điều đó tác động chi phối mạnh mẽ xu hướng vận động và đặc điểm của sự phát triển văn học Việt Nam suốt mấy chục năm qua. Trong thời kỳ đổi mới, quan niệm về con người chính là cơ sở chi phối những nguyên tắc chiếm lĩnh, cất nghĩa đời sống của nhà văn, là nơi đánh dấu trình độ tư duy nghệ thuật của một thời đại, một trào lưu tác giả.

Lúc bấy giờ, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện, ngay lập tức đã làm chấn động dư luận khi ông nhìn con người như một bản thể tự nhiên. Từ trước đến nay, văn học thường viết về con người như một ý thức xã hội và sự phiến diện này hạn chế khả năng thuyết phục của văn học. Rõ ràng, ý thức giữ vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống của con người nhưng làm sao có thể phủ nhận sức mạnh của tự nhiên chứ. Nhân cách con người không chỉ là kết quả của lý trí, mà còn là sự tham gia của vô thức, tiềm thức, tâm linh... Nguyễn Huy Thiệp có thể đã cực đoan khi quá nhấn mạnh vào phần bản năng tăm tối của con người nhưng cũng có những phát hiện sắc sảo về con người bản năng, vô thức.

Sự xuất hiện của Nguyễn Huy Thiệp đã làm xôn xao dư luận. Trong bài viết “ Có một cách đọc Vàng lửa” TSKH Đỗ Văn Khang đã viết “ Thoạt đầu là Tương Về Hưu, nay đến Vàng Lửa và Phẩm Tiết, rậm rậm có đôi năm mà Nguyễn Huy Thiệp đã khơi được một cuộc tranh luận về văn mình. Phỏng có dễ gì? (Đăng ở báo Văn Nghệ số 36- 37 ra ngày 03- 09- 1988).

Chính sự nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp lúc bấy giờ, phái “bóc thom” đã có không có ít người lợi dụng Nguyễn Huy Thiệp, tâng bốc nhà văn này để ăn theo. Vì mục đích phủ nhận nền văn học cách mạng, họ đã không ngần ngại tung hô Nguyễn Huy Thiệp là thần tượng của văn học thời đổi mới. Họ bảo Nguyễn Huy Thiệp đạt tầm cỡ thế giới, có thể so sánh với các nhà văn nổi tiếng Tư Mã Thiên (145Tr.cn- 87 Tr.cn), với đại văn hào Lỗ Tấn (1881- 1936), là ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Việt Nam đương đại...

Nhưng sự thực thì Nguyễn Huy Thiệp có xứng đáng để được ca ngợi như vậy không? Khi một số truyện ngắn của nhà văn này có quá nhiều điều để chúng ta bàn, ví dụ như: Giọt Máu, Trương Chi, Vàng Lửa, Phẩm Tiết...

Về truyện ngắn Phẩm tiết.

Phẩm tiết tạo ra thể đối lập kép mà nhân vật nữ Vinh Hoa vừa là nhân vật có chức năng bảo tồn, duy trì phẩm giá vừa là điều kiện xác lập những đối kháng. Vinh Hoa chính là biểu tượng của cái đẹp, cái thiện, sự thanh khiết, và với lớp ý nghĩa này nhân vật trở thành nhân vật không hành động, chỉ là một tiêu chí, một phẩm chất nhằm xác lập một đối lập khác. Tuy nhiên nếu đặt Vinh Hoa trong diễn tiến số phận của một con người, một đối tượng ngang hàng với những lực lượng khác, nhân vật nữ này cũng là một nhân vật hành động, tạo ra những biến cố trong sự phát triển cốt truyện. Ở đây chúng tôi xác lập mô hình tự sự theo kiểu thứ hai, tức là khảo sát các biến cố trong cuộc đời Vinh Hoa: Vinh Hoa- Quang Trung; Vinh Hoa- Gia Long; và sự khác biệt trong cách cư xử với cái đẹp của Quang Trung- Gia Long.

Thực ra trong Phẩm tiết, Vinh Hoa chủ yếu là nhân vật mang chức năng lưu giữ, bảo tồn. Số phận của nhân vật khá ngẫu nhiên và kỳ lạ. Từ một dân nữ bình thường mang theo những tiền định huyền hoặc bước chân vào chốn cao sang, Vinh Hoa thoát ra khỏi tất cả mọi sự ràng buộc, nàng không thuộc về ai. Đây là môtip khá quen thuộc trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp khi nhân vật nữ luôn là biểu trưng của cái đẹp, “tín sứ” và cái thiện. Dù bản lĩnh và phẩm chất làm những việc mà không ai có thể làm, tội chết của người cha là ranh giới buộc Vinh Hoa phải bước vào một không gian khác. Tuy nhiên ở trong môi trường mới này, hành động trân trọng vẻ đẹp và tôn trọng ý muốn của Vinh Hoa của vua Quang Trung vô tình đồng lõa với sự khác người của nàng, tạo ra môi trường phù hợp với tính cách và phẩm chất của nhân vật. Mọi hành động của Vinh Hoa đều không gặp bất cứ cản trở nào. Cái chết của Quang Trung chính là ranh giới khép lại một không gian lưu giữ và nuông chiều phẩm giá của cái đẹp. Từ khi vua Quang Trung mất, nội bộ Tây Sơn rối ren. Gia Long vào thành Thăng Long. Vinh Hoa rơi vào tay viên tướng của Gia Long và được cứu khỏi chốn thô tục, được yêu chiều trong cung vua. Hãy làm một phép so sánh đơn giản về giây phút gặp Vinh Hoa của cả hai ông vua. Cả hai đều biết đánh giá cái đẹp. Tuy nhiên cách cư xử với cái đẹp lại hoàn toàn khác nhau. Vua Quang Trung “rùng mình, hoa mắt, đánh rơi cốc rượu quý cầm tay...”, cho rằng: “được Vinh Hoa như được báu vật, một Vinh Hoa bằng ba vạn người”; Còn đối với Gia Long, vẻ đẹp của Vinh Hoa được

cảm nhận trong không khí đầy nhục cảm, nó báo hiệu hành động tiếp theo của vua Gia Long là muốn sở hữu nàng “như nuôi con gà, con vịt trong nhà”. Trong một không gian đối lập với các giá trị đã được thừa nhận và lộ diện, hành động của Gia Long chính là vật cản, là ranh giới buộc Vinh Hoa phải bước qua để bảo tồn phẩm tiết.

Như chúng ta đã biết, truyện ngắn Phẩm Tiết của Nguyễn Huy Thiệp đúng là có nhiều điều đáng bàn. Ngay từ những dòng đầu tiên, thông thường thì nhiều người có thể lấy lời đề từ nhưng nhà văn này đã trích dẫn 3 câu lấy trong Truyện Kiều của Nguyễn Du như:

“Chữ trinh đáng giá ngàn vàng...

Chữ trinh còn một chút này....

Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường...”

Và từ đó kéo theo là cả một câu truyện có thể nói là “tưởng tượng” của Nguyễn Huy Thiệp.

Việc tìm ra ngôi mộ cổ ở vùng lòng hồ trong khu vực thủy điện sông Đà.... có lẽ theo nhà văn thì nó có quá nhiều điều bí ẩn và chính nhà văn đã viết: “Tôi băn khoăn quá, phải là người mơ mộng và nghiêm khắc mới hiểu rằng biết hoặc không biết đều chỉ là ước lệ mơ hồ, có tính lịch sử hạn chế”. Câu chuyện Phẩm Tiết chính là kể về người phụ nữ nằm trong ngôi mộ cổ ấy. Dưới con mắt của Nguyễn Huy Thiệp thì “cái xác ướp” có tên là Ngô Thị Vinh Hoa ấy, khi mới sinh ra đã có tài “Tri thiên mệnh” (biết mệnh trời). Khi lớn lên thì cái tài tri thiên mệnh đó làm cho người cha của cô gái cũng rất sợ “Khải rất sợ”. Bởi vì Vinh Hoa lớn lên nói câu nào thiêng câu ấy. Tỉ như trời nắng chang chang, nàng buột miệng ngày kia trời mưa, quả nhiên ngày kia trời mưa thật. Tỉ nhiên có người đi qua, nàng bảo mai ông này chết, quả nhiên người ấy không ốm đau bệnh tật gì hôm sau lăn ra chết...

2. Nhìn truyện Phẩm tiết dưới góc độ lịch sử.

Ở trường hợp này thực ra không phải ngoài đời không có, khả năng đó thường xuất hiện ở các nhà ngoại cảm, ví dụ như ở Việt Nam vào những năm 1990, Phan Thị Bích Hằng (nhà ngoại cảm) cùng cô bạn thân, bị chó dại (chó ngộ) cắn, cô bạn chết, Phan Thị Bích Hằng cũng suýt chết nhưng sau đó đã trở thành nhà ngoại cảm. Lúc mới đầu chị cũng ra đường gặp người nào đó, khi chị nói, ví dụ: “Mai ông chết” quả nhiên người ấy không ốm đau bệnh

tật gì, hôm sau lăn ra chết thật. Sau đấy và bây giờ khi đã trở thành nhà ngoại cảm, Phan Thị Bích Hằng đã đem cái tài năng trời phú của mình để làm rất nhiều việc có ích cho xã hội, chứ không như Ngô Thị Vinh Hoa chỉ có tài “tri thiên mệnh” đã được Nguyễn Huy Thiệp miêu tả trong Phẩm Tiết. Và có lẽ Nguyễn Huy Thiệp đã mắc sai lầm lớn khi xây dựng nhân vật Ngô Thị Vinh Hoa, một người biết được nhiều điều quan trọng có thể xảy ra, nhưng có lẽ “bụt chùa nhà không thiêng”. Tên Sâm, vốn là một tên đều cáng, xuất thân từ lái buôn trâu, từ lâu đã có ý hại chủ. Khi cơ hội đến, tên lái trâu đã đưa chủ vào con đường chết. Vậy thì cái tài biết xem cả nhân tướng học, với tri thiên mệnh của Ngô Thị Vinh Hoa để đâu khiến cho cha mình là Ngô Khải phải chết? Đúng là một sai lầm lớn của Nguyễn Huy Thiệp.

Mặt khác khi đề cập người anh hùng áo vải, vua Quang Trung (Nguyễn Huệ), Nguyễn Huy Thiệp đã làm xấu đi hình ảnh của vị anh hùng dân tộc- vua Quang Trung. Vua Quang Trung giận mắng Ngô Khải đã được Nguyễn Huy Thiệp mô tả như sau “ Thăng Khải kia, tài bằng cái đầu, khinh ta quá chừng! Trời cho mày sống, cướp không biết bao nhiêu lộc thiên hạ, ăn miếng ngon không biết đầy mồm, còn chê lợm. May nhờ phúc tổ, có ít của chìm, như cái đuôi khô, tháng ba ngày tám mang ra gặm tưởng xên xang ư?” Chưa hết, Nguyễn Huy Thiệp còn miêu tả Ngô Thị Vinh Hoa vào cung khi cha mình đã chết, phải chăng đây cũng là một cách tự tiện thân vào cung của Ngô Thị Vinh Hoa mà nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã nghĩ ra.

Đúng là nói như người Việt: Lòn với chó thì chó liếm mặt- chơi với gà thì gà mổ mắt. Nguyễn Huy Thiệp đã cho Ngô Thị Vinh Hoa ăn nói rất vớ vẩn khi vua Quang Trung hỏi thì là vận Tây Sơn được mấy đời? Vinh Hoa bảo: Sao không hỏi được bao nhiêu ngày?

Đúng là câu trả lời rất vớ vẩn. Một người làm vua, thông thường không bao giờ người ta hỏi những câu như thế. Ví dụ, Tần Thủy Hoàng (259 Tr.cn- 210 S.cn) sau khi làm vua cũng muốn truyền lại cho con cháu đến muôn đời, ở Việt Nam ngay trước đây, triều Hậu Lê cũng trải qua 28 đời vua, còn như chúng ta biết triều Tây Sơn sau đó đã sụp đổ vì có nhiều nguyên nhân khác nhau, chứ một người mà dám nói vua Quang Trung như thế đúng là “ Lòn với chó chó liếm mặt” chứ không đầu mà không rơi xuống đất mới là lạ. Vua Quang Trung là một thiên tài quân sự, đánh đâu thắng đấy, bách chiến bách thắng, là người có bản lĩnh, làm gì có chuyện để người khác coi thường. Vua Càn Long (1711- 1799) còn phải kiêng nể. Vậy mà nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã dựng lên một Quang Trung chỉ biết ngồi im mà nghe Vinh Hoa phán

quyết tâm bậy. Một vua Quang Trung đã bị Nguyễn Huy Thiệp dựng lên như là một kẻ nông nổi, lỗ mãng trước kẻ sĩ Bắc Hà nhưng sự thật lịch sử Việt Nam có như vậy không? Như chúng ta đã biết, vua Quang Trung là người như thế nào và với cách nhìn của kẻ sĩ Bắc Hà đánh giá về Quang Trung như thế nào thì chúng ta đều biết rất rõ. Ngay như hoàng hậu Ngọc Hân, khi vua Quang Trung mất, chúng ta cứ đọc bài “Ai tư vãn” của Ngọc Hân sẽ biết.

Về cái chết của Quang Trung, ngay cả sử sách của chúng ta cũng không chép được tài như Nguyễn Huy Thiệp. cái chết bất ngờ của vua Quang Trung, đến nay vẫn chưa tìm được nguyên nhân chính xác. Trong cuốn sách “Hoàng đế Quang Trung” của tác giả Đỗ Bang cũng chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu. Vậy mà Nguyễn Huy Thiệp tả được cảnh khá tỉ mỉ. như vua Quang Trung chết không nhắm mắt mà cuối cùng phải nhờ “bàn tay thối” của Vinh Hoa “Vinh Hoa phải lấy ngón tay út của mình đặt lên hai mi mắt nhà vua thì mắt nhà vua mới nhắm lại được. Sau đó, chỗ ngón tay út của Vinh Hoa đen như chàm, rửa thế nào cũng không sạch”. Ở tình tiết này, nói như TSKH Đỗ Văn Khang là Nguyễn Huy Thiệp đã đạt tới mục đích cuối cùng là hạ bệ một lịch sử dân tộc, một lịch sử đã phải viết bằng máu và mồ hôi, bằng cả vinh quang và đau đớn mới có được. Kể ra thì lời khẳng định này cũng có lí.

Trong lịch sử Trung Hoa và kể cả trong lịch sử Việt Nam đúng là không thiếu các “hôn quân bạo chúa” nhưng chúng ta hầu như chưa bao giờ được nghe những từ ngữ chắc chỉ có Nguyễn Huy Thiệp đã thay mặt các quan chép sử ghi lại, viết lại như: Vua Gia Long (1762- 1820) gọi Toàn là: “Thằng khôn nạn theo voi ăn bã mía kia, đều cáng chừng nào. Mày mượn danh ta để đi ăn cướp với chơi gái à?” hay: “Thằng mặt xanh kia kè miệng lỗ mà còn dè ư? Ta cho cắt dải mày, ta cho mày ăn cứt”

Thực ra trong lịch sử, nếu một người nào đó bị phạm tội có thể đền tội bằng cách “cung hình” tức là bị hoạn. Ví dụ như trường hợp của sử gia Tư Mã Thiên. Hơn nữa thông thường kẻ nào có tội, tất nhiên kẻ đó bị nghiêm trị nếu luật pháp nghiêm chứ làm gì có chuyện nhà vua nói “ta cho cắt dải mày” như Nguyễn Huy Thiệp đã dùng.

“Con người làm mọi việc chẳng qua cũng chỉ vì mục đích của mình” (Các Mác). Ngẫm ra kẻ cũng đúng. Vậy mà mục đích của những kẻ nói như vua Gia Long chữ tên toàn là tên ăn cướp với chơi gái, vậy mà khi có được Vinh Hoa, y đã “không làm gì được” chỉ vì “mày không chịu”. Ôi, như thế thì may mắn cho nhân loại quá, như thế thì có lẽ trên thế giới này sẽ không bao giờ có

tòa án phải mở ra để xét xử những tên “yêu râu xanh” bởi vì khi chúng định hiếp, định chiếm đoạt một người nào đó mà người ta không chịu sẽ dừng lại. Vậy là ở thời điểm này, Nguyễn Huy Thiệp đã quá non tay hay nhà văn muốn đề cao cái “chữ trình tiết” và ở điểm này phái “bốc thơm” có người còn cho rằng đó là một hình tượng biểu hiện cho “cái đẹp”, cho “tự do”, cho tính người hơn cả “người” mà đến cả vua Quang Trung, hay cả vua Gia Long cũng không thể đụng tới được.

Ngày xưa các cung tần mỹ nữ trong cung thường có tới hàng ngàn người, thông thường khi đã được vào cung thì bất kì cung nữ nào cũng mong muốn được nhà vua “sủng hạnh”, được một lần nhà vua ban phát, nhưng chuyện gặp nhà vua đâu dễ vì có quá nhiều cung tần mỹ nữ mà. Chính vì vậy mới có chuyện các họa sĩ phải vẽ tranh các người đẹp dâng lên cho vua nhìn xong mới chọn như trường hợp nhà Tây Hán (206 Tr.cn- 8 S.cn) họa sĩ Mao Diên Thọ đã vẽ các cung nữ trong đó có Vương Chiêu Quân- một trong tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc. Chỉ vì không rút lót tiền cho Mao Diên Thọ nên bị y vẽ xấu xí. Gặp được vua là điều may mắn, vậy mà Vinh Hoa trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp có lẽ là trường hợp đặc biệt. Hơn nữa vào cung cấm, thường thì các cung nữ ngày xưa được chọn từ rất trẻ, từ hơn 10 tuổi đã có những người đi tuyển chọn các bé gái xinh xắn đưa vào cung nuôi nấng, dạy các ứng xử trong cung, dạy đàn hát, nghi lễ và chờ đến khi trưởng thành người nào may mắn sẽ có dịp được gặp mặt vua. Các cung nữ cũng được ăn bổng lộc nhưng khi nhà vua bị chết các cung nữ sẽ được cho về quê sinh sống. Nói chung họ bị quản lý, được bảo vệ rất cẩn thận, không bao giờ có chuyện nói như nhà văn Nguyễn Huy Thiệp viết “Sau khi vua Gia Long nghe tiếng đàn, gục đầu xuống bàn ngủ thiếp đi, khi tỉnh dậy nhà vua không thấy Vinh Hoa đâu nữa”. Đúng là thật vớ vẩn. Cung cấm chứ có phải cái chợ đầu mà thích thì đến không thích thì đi như thế được. Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân (1500- 1581) có 72 phép thần thông biến hóa giỏi như thế còn không thoát khỏi bàn tay Phật tổ Như Lai khi cho quả núi đè lên. Vậy mà chỉ trong một đêm Vinh Hoa đã “biến” được khỏi cung cấm, đúng là Nguyễn Huy Thiệp “tài” thật.

Chưa dừng lại ở đây, Nguyễn Huy Thiệp còn miêu tả, sau đấy có lẽ vì quá thương nhớ người đẹp cho nên nhà vua đã cho người đi tìm nàng ở khắp nơi nhưng không tìm thấy. Có lẽ lệnh vua đã ban xuống cho nên khi người ta vớt được xác một người phụ nữ quý tộc trôi trên sông vùng huyện lỵ Đà Bắc (thuộc phủ Hưng Hóa) khi quan sở tại về triều đình. Vua Gia Long cho người

xem, nhận ra người chết giống hệt Ngô Thị Vinh Hoa. Nhà vua cho làm ma này rất hậu, bắt lập miếu thờ.

Ở điểm này đúng là Nguyễn Huy Thiệp đã quá đuối khi không biết đưa ra một cái kết như thế nào sau khi Vinh Hoa “biến” mất khỏi cung. Một lần nữa chính Nguyễn Huy Thiệp đã biến vua Gia Long thành một kẻ khờ, có lẽ vì lệnh của nhà vua đã làm khổ nhiều người vì bắt họ đi tìm vàng. Có lẽ một kẻ nào đó đã nghĩ ra một cách tìm một cái xác nào đấy gắn cho là Ngô Thị Vinh Hoa thế là xong và thế là vua Gia Long tin rằng không thấy người thì cũng đã thấy xác...

Vậy mà ở truyện này vẫn có nhiều người khen rằng Nguyễn Huy Thiệp viết hay. Đó là “gu” thẩm mỹ của mỗi người. Chỉ biết rằng qua mấy truyện ngắn Kiếm Sắc, Vàng Lửa, Giọt Máu, Trương Chi và Phẩm Tiết chúng ta thấy đúng như lời của TSKH Đỗ Văn Khang “văn của Nguyễn Huy Thiệp ngày càng sa sút”.

Như chúng ta đã biết năm 1997, sự kiện kì thủ cờ vua người Nga Garry Kimovich Kasparov (sinh 13- 04- 1963) ngày 11- 05- 1997 đánh ván cờ siêu kinh điển với siêu máy tính Deep Blue, chỉ sau 19 nước đi, khi trên bàn cờ vẫn còn 2 xe, 2 mã, 2 tượng vậy mà đại kỳ thủ người Nga đã xin thua. Ông giải thích rằng: “Ông đã đi sai ở nước thứ 6, nếu cứ tiếp tục đi thì vẫn cứ thua. Ngay sau đó một định luật nổi tiếng đã ra đời đó là định luật Murphy: “Cái gì đã đi sai hướng, sẽ đi sai hướng”. Con người sẽ phải trả giá cho những sai lầm của mình chỉ có điều không trước thì sau. Chính ở cái truyện ngắn Phẩm Tiết này có lẽ Nguyễn Huy Thiệp đã đi sai hướng khi dựng lên nhân vật Ngô Thị Vinh Hoa và điều này phần nào nhà văn đã phải trả giá cho việc viết lách của mình bằng việc “ Văn chương Nguyễn Huy Thiệp ngày càng sa sút như nhận định của Đỗ Văn Khang.

Abutaliv từng viết “Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn anh bằng đại bác”. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã cố tình hạ bệ một thần tượng của lịch sử trong truyện ngắn này thì đúng như lời nói của Abutaliv, Nguyễn Huy Thiệp cũng phải trả giá cho nghiệp văn của mình. Nhưng không thể qua một vài truyện ngắn mà đánh giá toàn bộ văn nghiệp của một người cầm bút.

3. Những đóng góp của Nguyễn Huy Thiệp.

Nhìn chung trong tiến trình văn học Việt Nam, đặc biệt là thời kì sau đổi mới đến nay, với bút pháp khá đa dạng và khiến cho dư luận phải “bàn” và có nhiều biến hóa thì Nguyễn Huy Thiệp cũng đã phần nào đóng góp cho nền văn học Việt Nam đương đại, những đóng góp của ông cũng đáng được ghi nhận.

Tài liệu tham khảo:

1. Bình văn hiện đại- Đỗ Văn Khang, Nxb Lao Động 2010.
2. Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại, tập II(từ sau cách mạng tháng 8-1945), Nguyễn Văn Long chủ biên, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp- Phạm Xuân Nguyên, Nxb Văn hóa thông tin, 2001.
4. Kể chuyện chín chúa mười ba vua đời Nguyễn, Tôn Thất Bình, Nxb Đà Nẵng, 1997.
5. Kể chuyện các nhà vua đời Nguyễn, Nguyễn Viết Kế, Nxb Đà Nẵng 2001.